

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HS-PT

Ngày: 25-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Du, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2018/TLPT-HS, ngày 19-6-2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương T; do kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 16-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Phương T**, sinh ngày 24-4-1993 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và cư trú: số 121/2 LSPT, phường s, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1964; Con bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1965; Chồng (đã ly hôn): Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992; Có 01 con sinh ngày 14-02-2016;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09-02-2015 bị công an phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt hành chính 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 04-12-2017 đến ngày 13-12-2017 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Người bào chữa:

Luật sư Hà Hải; Luật sư Nguyễn Văn Sáng - Văn phòng luật sư Hà Hải và cộng sự. Luật sư Nguyễn Văn Sáng Có mặt; Luật sư Hà Hải vắng mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thành C không kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Bị cáo T và bị cáo C có mối quan hệ là cha con ruột. Từ tháng 9 năm 2017 đến ngày 04-12-2017, bị cáo T mua ma túy đá của một người tên B (*không rõ nhân thân lai lịch*) nhiều lần, mỗi lần mua từ 10 đến 20 gói ma túy, mỗi gói ma túy B bán cho bị cáo T với giá 100.000đ/gói; sau đó bị cáo T bán lại với giá 200.000đ/gói để kiếm lời. Đến giữa tháng 11-2017, bị cáo T chỉ nơi cất giấu ma túy trong nhà cho bị cáo C biết và bàn bạc với bị cáo C “*khi bị cáo T đi vắng, nếu có ai đến mua ma túy thì bị cáo C trực tiếp bán ma túy hoặc bị cáo T gọi điện thoại yêu cầu bị cáo C bán ma túy cho con nghiện*”. Số tiền thu được từ việc bán ma túy bị cáo C giao lại cho bị cáo T, sau đó tùy thuộc vào số lượng ma túy bán được, bị cáo T trả công cho bị cáo C từ 50.000đ đến 200.000đ.

Khoảng 20 giờ ngày 04-12-2017 khi bị cáo Thảo và bị cáo Cường đang ở nhà tại số 121/2 2 LSPT, phường s, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng thì bị Cơ quan công an tỉnh Lâm Đồng kiểm tra phát hiện quả tang bị cáo T và bị cáo C đang cất giấu 20 gói ma túy đá tại góc tường bên trái cửa ra vào; 02 gói ma túy đá tại góc tường bên phải cửa ra vào, đồng thời thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ: 22 gói tinh thể màu trắng được hàn kín trong bao nylon được niêm phong; 01 cân tiểu ly hiệu MINI-333 đã qua sử dụng; một điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng có gắn sim số 0918400288; một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh không gắn sim; một điện thoại di động hiệu LG màu đen có gắn sim số 0978867974; số tiền 1.100.000đ.

Tại Bản kết luận giám định số 286/GĐ-PC54 ngày 06-12-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Mẫu tinh thể đựng trong 22 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,9282 gam, loại Methamphetamine; Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính Phủ.

Quá trình điều tra đã xác minh làm rõ từ giữa tháng 11-2017 đến ngày 04-12-2017 bị cáo C đã bán ma túy cho 04 người cụ thể như sau:

- Bán cho Nguyễn Thành L (*sinh 1987, HKTT Phường MB, thành phố PR-TC, tỉnh Ninh Thuận*) 04-05 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ;
- Bán cho Lê Cường (*sinh 1981, HKTT 4 ĐM, phường n, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng*) 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ;
- Bán cho Nguyễn Hữu C (*sinh 1993, HKTT: 36C HTM, phường b, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng*) 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ;

- Bán cho Nguyễn Thành T (sinh 1993, HKTT: 54 KĐ, phường s, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng) 04-05 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ;

Bản án số 63/2018/HS-ST ngày 16-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 04-12-2017 đến ngày 13-12-2017 vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Phương T số tiền 5.000.00đ để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành C 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04-12-2017.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành C số tiền 5.000.00đ để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vận chứng, án phí; tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29-5-2018 bị cáo Nguyễn Thị Phương T kháng cáo cho rằng không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy như án sơ thẩm quy kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho rằng với chứng cứ được thu thập bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, trong khi đó bị cáo T, bị cáo C mua ma túy của ai, bán ma túy cho ai thì không thể hiện, nên thì việc quy kết là không có căn cứ. Ngoài ra, bị cáo T, Luật sư cùng cho rằng việc quy kết bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chỉ căn cứ lời khai của các bị cáo thừa nhận, trong khi đó pháp luật tố tụng quy định lời khai của bị cáo là chứng cứ khi phù hợp với chứng cứ khác. Do vậy đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 359 của Bộ luật tố tụng hình sự để hủy bản án sơ thẩm đối với phần bị cáo Thảo, tuyên bố bị cáo T không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự; hủy bản án sơ thẩm đối với phần bị cáo T, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 20 giờ ngày 04-12-2017 tại nhà của bị cáo Cường số 121/22 LSPT, phường s, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Cơ quan công an tỉnh Lâm

Đồng kiểm tra phát hiện quả tang bị cáo T, bị cáo C cất giấu 22 gói ma túy đá; trong đó 20 gói ma túy cất giấu tại góc tường bên trái cửa ra vào; 02 gói ma túy đá tại góc tường bên phải cửa ra vào, đồng thời thu giữ vật chứng.

Quá trình điều tra, các bị cáo T, bị cáo C cùng khai nhận từ tháng 9-2017 đến ngày 04-12-2017, bị cáo T mua ma túy đá của một người tên B (*không rõ nhân thân lai lịch*) nhiều lần, mỗi lần mua từ 10 đến 20 gói ma túy, mỗi gói ma túy B bán cho bị cáo T với giá 100.000đ/gói; sau đó bị cáo T bán lại với giá 200.000đ/gói để kiếm lời. Kể từ giữa tháng 11-2017, bị cáo T chỉ nơi cất giấu ma túy trong nhà cho bị cáo C biết và bàn bạc với bị cáo C “*khi bị cáo T đi vắng, nếu có ai đến mua ma túy thì bị cáo C trực tiếp bán ma túy hoặc bị cáo T gọi điện thoại yêu cầu bị cáo C bán ma túy cho con nghiện*”. Số tiền thu được từ việc bán ma túy bị cáo C giao lại cho bị cáo T, sau đó tùy thuộc vào số lượng ma túy bán được, bị cáo T trả công cho bị cáo C từ 50.000đ đến 200.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ căn cứ lời khai bị cáo T, bị cáo C, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Theo điểm a khoản 6 Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự thì biên bản nghị án làm căn cứ ra bản án, trong khi đó biên bản nghị án ghi phần đầu tên Hội thẩm ông Ha Tông, ông Phạm Quang Vinh; phần cuối biên bản lại thể hiện ông Ha Tông, ông Păng Tinh Nôck ký biên bản; đối chiếu biên bản phiên tòa, bản án lại thể hiện Hội thẩm ông Ha Tông, ông Păng Tinh Nôck. Ngoài ra, biên bản nghị án không thể hiện việc xử lý vật chứng, trong khi đó bản án lại đề cập đến việc xử lý vật chứng. Bên cạnh đó, thời gian bắt đầu nghị án ngày 16-5-2018, kết thúc nghị án ghi ngày 16-6-2018, trong khi đó ngay tuyên bản án cùng là ngày ra bản án ngày 16-5-2018. Do vậy, cần hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

Do hủy bản án sơ thẩm, nên chưa xem xét kháng cáo của bị cáo. Ngoài ra, đối với phần hình phạt của bị cáo C không kháng cáo, nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Do vậy, cấp phúc thẩm không được xem xét.

[3] Về án phí: Do bản án bị hủy, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 đến b khoản 2 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm 63/2018/HS-ST ngày 16-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt; đối với phần bị cáo Nguyễn Thị Phương T, bị truy tố, xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị Phương T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND TP.Đà Lạt;
- VKSND TP.Đà Lạt;
- Cơ quan điều tra CA TP.Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS TP.Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Kim Đồng